

UBND THÀNH PHỐ ĐỒNG XOÀI
TRƯỜNG THCS TÂN ĐỒNG

THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông, năm học 2022-2023**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	782	208	171	227	176
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	683	174	145	200	164
		87.3	83,70%	84,8%	88,1%	93,2%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	96	33	24	27	12
		12.3	15,9%	14%	11,9%	6,8%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	3	1	2	0	0
		0.4	0,5%	1,2%	0.00%	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
		0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	782	208	171	227	176
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	184	49	31	57	47
		23.5	23,6%	18,1%	25,1%	26,7%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	264	66	59	76	63
		33.8	31,7%	34,5%	33,5%	35,8%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	292	77	67	83	65
		37.3	37%	39,2%	36,1%	36,9%
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	42	16	14	11	1
		5.2	7,7%	8,2%	4,8%	0,6%

5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1	0
		0.1	0.00%	0	0,4%	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm					
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	772	208	163	226	175
		98.7	99.52%	95.32%	99.56%	99,4%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	184	49	31	57	47
		23.5	23,6%	18,1%	25,1%	26,7%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	264	66	59	76	63
		33.8	31,7%	34,5%	33,5%	35,8%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	43	17	15	11	0
		5.50%	8.13%	8.77%	4.85%	0%
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	10	1	8	1	
		1.28%	0.48%	4.68%	0.44%	
4	Chuyên trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)	1	0	0	1	0
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi HSG					
1	Cấp thành phố				15	14
2	Cấp tỉnh					4
3	Sáng tạo KHKT cấp thành phố				2	9
	Sáng tạo KHKT cấp tỉnh				0	0
V	Số học sinh dự xét tốt nghiệp THCS					176
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp					175
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					47
						26.86%

2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					63
						36.00%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					65
						37.14%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng					
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	432/351	103/106	100/71	131/96	98/78
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số/nữ	43/22	14/7	7/6	11/4	11/5

Tân Đồng, ngày 19 tháng 6 năm 2023

Thủ trưởng đơn vị



Nguyễn Thị Phiến